

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/04/2024

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Nguyễn Duy Khương**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thế Nam – Kiểm Sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **K**, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp HH, xã MH, huyện CT, KG.

(Chị K có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh **S**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp HH, xã MH, huyện CT, KG.

(Anh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2023, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị K trình bày:

Vào năm 2008 chị K cùng anh S có tổ chức lễ cưới, chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn ngày 11/04/2008 tại Ủy ban nhân dân xã MH, huyện CT, tỉnh KG theo quy định pháp luật.

Qua thời gian chung sống vợ chồng anh chị có với nhau 03 người con chung tên X, sinh ngày 24/10/2009, T, sinh ngày 06/10/2014 và D, sinh ngày 29/9/2021. Về tài sản chung và nợ chung: trong quá trình chung sống anh chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn: trong quá trình chung sống những năm đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cãi vã mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành.

Nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị K gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh S;
- Về con chung: Yêu cầu được nuôi 03 con chung tên X, sinh ngày 24/10/2009, T, sinh ngày 06/10/2014 và D, sinh ngày 29/9/2021, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con;
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tại biên bản lấy lời khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh S trình bày: Vào năm 2007 anh S cùng chị K tự nguyện quen biết và yêu thương nhau và đến năm 2008 anh chị có tổ chức lễ cưới, chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn ngày 11/04/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định pháp luật.

Qua thời gian chung sống vợ chồng anh chị có với nhau 03 người con chung tên X, sinh ngày 24/10/2009, T, sinh ngày 06/10/2014 và D, sinh ngày 29/9/2021. Về tài sản chung và nợ chung: trong quá trình chung sống anh chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn: trong quá trình chung sống những năm đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cãi vã mặc dù anh chị đã cố gắng khắc phục nhưng không thành. Vợ chồng anh chị ly thân từ 10/10/2022 đến nay. Anh S có chủ động hàn gắn nhưng chị K không cho cơ hội để giải thích. Nay tình cảm vợ chồng không

còn, chị K có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang giải quyết xin ly hôn với anh thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị K vì lý do anh còn thương vợ con;

- Về con chung: Nếu chị K kiên quyết ly hôn thì anh có ý kiến về con chung thì 02 người con chung tên X, sinh ngày 24/10/2009 và T, sinh ngày 06/10/2014 tùy theo nguyện vọng của 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng và anh cũng không cấp dưỡng nuôi con nếu con theo mẹ. Đối với cháu D, sinh ngày 29/9/2021, tôi yêu cầu nuôi cháu D và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 22/01/2024, cháu X và cháu T trình bày:*

Hiện nay cha mẹ không còn sống chung nhà từ lâu, nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được mẹ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành-tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 07/11/2023 Tòa án thụ lý vụ án, đến ngày 11/3/2024 ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là trễ hạn 04 ngày.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị K, cho chị K ly hôn với anh S theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu X, sinh ngày 24/10/2009 và cháu T, sinh ngày 06/10/2014 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu X, cháu T); giao cháu D, sinh ngày 29/9/2021 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi và đồng thời anh S làm nghề đi ghe biển 03 tháng mới vô bờ một lần nên anh S không có đủ điều kiện nuôi con; chị K tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: chị K và anh S cùng xác định trong quá trình chung sống thì vợ chồng anh chị không có không có tài sản chung và cam kết là

không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh S, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, đồng thời bị đơn anh S có địa chỉ cư trú tại ấp HH, xã MH, huyện CT, tỉnh KG nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự:

Bị đơn anh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh S xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/04/2008 và được Ủy ban nhân dân xã MH, huyện CT, tỉnh KG cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị K và anh S là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị K yêu cầu ly hôn với anh S: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị K và anh S đều xác nhận sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó vợ chồng anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi do bất đồng ý kiến với nhau, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù Tòa án đã mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên chị K và anh S hàn gắn đoàn tụ nhưng hòa giải không thành. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để anh S có mặt tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh S vắng mặt, chứng tỏ anh S không muốn gặp mặt để hòa giải đoàn tụ với chị K. Đồng thời tại phiên tòa chị K vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh S. Hội đồng xét xử thấy rằng chị K không còn tự nguyện chung sống với anh S nữa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K về việc xin ly hôn với anh S là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị K xác nhận trong

thời gian chung sống chị và anh S có 03 người con chung tên X, sinh ngày 24/10/2009, T, sinh ngày 06/10/2014 và D, sinh ngày 29/9/2021 hiện đang sống cùng chị K, chị K yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 03 người con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Anh S cũng yêu cầu được nuôi cháu D và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị K là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu X, cháu T kể từ khi chị K ly thân với anh S, cháu Xây và cháu Thái đều có nguyện vọng được chị K chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu D hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, cả chị K và anh S đều có nguyện vọng nuôi cháu D nhưng anh S làm nghề đi ghe biển 03 tháng mới vô bờ một lần nên anh S không có đủ điều kiện nuôi con, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần thống nhất giao 03 người con chung là cháu X, cháu T và cháu D cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu X, cháu T và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về việc cấp dưỡng nuôi con: do chị K tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị K và anh S cùng xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị K và anh S đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị K về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với anh S.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị K là phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng. Anh S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị K về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” với anh S.

1. Về hôn nhân: Cho chị K được ly hôn với anh S.

2. Về con chung: Giao 03 người con chung là cháu X, sinh ngày 24/10/2009, cháu T, sinh ngày 06/10/2014 và cháu D, sinh ngày 29/9/2021 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu X, cháu T) và chị K tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị K và anh S cùng xác nhận là không có tài sản chung và cam kết là không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001122 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị K không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Chị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh